

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 04 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Khoa Luật tại tờ trình số 908/KL-ĐBCL ngày 10 tháng 08 năm 2022 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của Khoa Luật, bao gồm:

1. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế;
7. Chuyên ngành Pháp luật về quyền con người;
8. Chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Các chương trình đào tạo kể trên áp dụng từ khóa tuyển sinh 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và Chủ nhiệm Khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, Y4.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Hải



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT QUỐC TẾ**

(Ban hành theo Quyết định số 2875/QĐ-ĐHQGHN, ngày 29 tháng 08 năm 2022
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Luật quốc tế

+ Tiếng Anh: International law

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.06

- Tên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Luật

+ Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật quốc tế định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo những chuyên gia có kiến thức toàn diện, hiện đại và chuyên sâu về khoa học luật quốc tế (Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế); có năng lực, kỹ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

Chương trình trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ nâng cao về công pháp và tư pháp quốc tế, như: Luật điều ước quốc tế; Luật về các tổ chức quốc tế; Luật hàng hải quốc tế; Luật hình sự quốc tế; Luật môi trường quốc tế; Luật kinh tế quốc tế; Luật thương mại quốc tế; bảo hộ quốc tế về sở hữu trí tuệ; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế... Đặc biệt, chương trình còn trang bị cho người học

những kiến thức về chủ quyền và vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên bình diện pháp lí. Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lí mang tính hệ thống để có thể giải quyết các công việc chuyên môn từ đơn giản tới phức tạp một cách chính xác và hiệu quả nhất.

- Về kĩ năng

Chương trình trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về khoa học luật quốc tế ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế một cách độc lập, sáng tạo; phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý về chủ quyền quốc gia phù hợp với quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam và quan niệm chung của cộng đồng quốc tế; có kỹ năng tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện, phổ biến và giáo dục về pháp luật quốc tế cũng như việc xử lí các công việc, hoạt động liên quan đến pháp luật quốc tế ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà người học công tác.

- Về năng lực

Với những kiến thức, kĩ năng đã trang bị cho người học, chương trình giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật; giảng dạy-nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu; làm việc cho các cơ quan xây dựng, áp dụng hoặc thực thi pháp luật như các cơ quan của chính phủ, hay các công ty luật hoặc các tổ chức quốc tế.

- Về phẩm chất đạo đức

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. Điều kiện tuyển sinh

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Luật, đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

- Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật Hình sự và tố tụng hình sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh; Luật Thương mại quốc tế.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí và ngoại ngữ (trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

PLO3: Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành đặc biệt là những kiến thức chuyên sâu về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế và tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến chuyên ngành đào tạo;

PLO4: Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật quốc tế; tiếp nhận, phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

PLO5: Áp dụng tốt các quy định pháp luật quốc tế để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; nhận thức, phân tích, tổng hợp, đánh giá đúng các vấn đề pháp lí để tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, giải quyết những vấn đề thực tế hoặc giả định phức tạp liên quan đến lĩnh vực pháp luật quốc tế;

PLO6: Phát hiện, dự báo những vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật quốc tế để: Tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phản biện; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu; so sánh với lí luận và thực tiễn nước ngoài để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

PLO7: Tư vấn pháp luật quốc tế cho các tổ chức, cá nhân; đề xuất các kiến nghị, giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc thực thi, xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật quốc tế.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

PLO8: Tra cứu, cập nhật thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học;

PLO9: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo;

3. Về phẩm chất đạo đức

PLO10: Phẩm chất đạo đức cá nhân: Chuẩn mực trong lời nói và hành vi; thân thiện, hợp tác, cầu thị với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc; dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;

PLO11: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của một luật gia; thúc đẩy các nguyên lí và giá trị của pháp luật,

đạo đức, công lí, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan, chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo và có trách nhiệm với công việc được giao;

PLO12: Phẩm chất đạo đức xã hội: Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân; bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật;

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lí luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;

PLO14: Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển năng lực chuyên môn;

PLO15: Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lí hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

5. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành Luật quốc tế định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kĩ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1:* Công tác tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhóm 2:* Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

- *Nhóm 3:* Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lí chuyên nghiệp như các doanh nghiệp/công ty/văn phòng: luật; công chứng; thừa phát lại; quản lí và thanh lí tài sản... trong và ngoài nước; làm chuyên viên pháp chế/tư vấn viên tại các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật quốc tế.

- *Nhóm 4:* Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị, ngoại giao, biên giới - lãnh thổ (các trung tâm, viện nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng...).

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc):

8 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:

37 tín chỉ+ *Bắt buộc*:

18 tín chỉ

+ *Tự chọn*:

19/40 tín chỉ

- Luận văn thạc sĩ:

15 tín chỉ**2. Khung chương trình đào tạo:**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		08				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	30	5	10	
2		Ngoại ngữ cơ bản *					
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>(Basic English)</i>	4	35	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>(Basic Russian)</i>		35	15	10	
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>(Basic French)</i>		35	15	10	
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>(Basic German)</i>		35	15	10	
CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>(Basic Chinese)</i>	35		15	10		
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		37				
II.1.	Các học phần bắt buộc		18				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods)</i>	2	18	6	6	
4	INL6019	Những vấn đề chuyên sâu về Công pháp quốc tế <i>Specialized issues on Public International Law)</i>	3	27	9	9	
5	INL6020	Những vấn đề chuyên sâu về Tư pháp quốc tế <i>Specialized issues on International private Law)</i>	3	27	9	9	
6	INL6021	Những vấn đề chuyên sâu về Luật Thương mại quốc tế <i>Specialized issues on International Commercial Law)</i>	3	27	9	9	
7	INL6044	Luật Kinh tế quốc tế <i>International Economic Law)</i>	3	27	9	9	
8	INL6028	Luật Hình sự quốc tế <i>International Criminal Law)</i>	2	18	6	6	
9	INL6052	Luật Biên Quốc tế <i>International Law of the sea)</i>	2	18	6	6	
II.2.	Các học phần tự chọn		19				

10	INL6050	Nguồn và vấn đề pháp điển hóa Luật quốc tế hiện đại (<i>Sources and the Codification of International Law</i>)	3	27	9	9	
11	INL6051	Pháp luật về các tổ chức quốc tế (<i>Laws on the International organizaions</i>)	3	27	9	9	
12	INL6030	Giải quyết các tranh chấp quốc tế theo Luật quốc tế hiện đại (<i>The International disputes settlement in International Law</i>)	3	27	9	9	
13	INL6036	Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng sa và Trường Sa (<i>Vietnam's Sovereignty Over Paracel Islands and Spartly Islands</i>)	3	27	9	9	
14	INL6035	Luật Nhân đạo quốc tế (<i>International humaniterian law</i>)	2	18	6	6	
15	INL6025	Luật nhân quyền quốc tế (<i>International human rights law</i>)	2	18	6	6	
16	INL6053	Tổ chức và pháp luật ASEAN (<i>Organisation and Law of ASEAN</i>)	3	27	9	9	
17	INL6054	Pháp luật về đầu tư quốc tế (<i>International investment Law</i>)	3	27	9	9	
18	INL6055	Luật hàng không, vũ trụ quốc tế (<i>International Law on aviation and outer space</i>)	3	27	9	9	
19	INL6042	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (<i>Internnational sale of goods</i>)	3	27	9	9	
20	INL6043	Vận tải hàng hóa bằng đường biển (<i>Carriage of goods by Sea</i>)	2	18	6	6	
21	INL6056	Bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ (<i>International protection ofintellectual propety rights</i>)	3	27	9	9	
22	INL6040	Pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (<i>Law on international marriage and family relationships</i>)	2	18	6	6	
23	INL6057	Hợp tác và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại (<i>Mutual Judicial Assistance and Cooperation in Commerce and Civil Masters</i>)	3	29	9	9	
IV	INL7202	Luận văn thạc sĩ	15				
		Cộng:	60				

